

PHÒNG THI SỐ: 01

Cấp độ thi: Bậc 4/6

Ngày thi: 21/11/2021

Địa điểm:

Bản niêm yết

| TT | SBD | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh      | Ghi chú |
|----|-----|------------------------|-----------|------------|---------------|---------|
| 1  | 1   | Lê Thị Thúy An         | Nữ        | 02/10/1990 | Hải Phòng     |         |
| 2  | 2   | Đàm Thị Ngọc Anh       | Nữ        | 11/01/1993 | Liên bang Nga |         |
| 3  | 3   | Nguyễn Thị Ngọc Ánh    | Nữ        | 08/06/1990 | Hải Phòng     |         |
| 4  | 4   | Bùi Trọng Bách         | Nam       | 03/03/1984 | Hải Phòng     |         |
| 5  | 5   | Cao Nhật Bách          | Nam       | 28/03/1996 | Hải Phòng     |         |
| 6  | 6   | Bùi Công Bảo           | Nam       | 15/08/1998 | Hải Phòng     |         |
| 7  | 7   | Đinh Công Danh         | Nam       | 10/04/1979 | Hải Phòng     |         |
| 8  | 8   | Nguyễn Thị Dịu         | Nữ        | 01/12/1989 | Hải Phòng     |         |
| 9  | 9   | Lê Trọng Du            | Nam       | 20/08/1984 | Thanh Hóa     |         |
| 10 | 10  | Nguyễn Hoàng Dung      | Nữ        | 19/12/1995 | Hải Phòng     |         |
| 11 | 11  | Nguyễn Thị Thanh Dung  | Nữ        | 20/12/1991 | Hải Phòng     |         |
| 12 | 12  | Nguyễn Thị Yến Dung    | Nữ        | 28/10/1994 | Hải Phòng     |         |
| 13 | 13  | Nguyễn Tiến Dũng       | Nam       | 09/11/1987 | Hải Phòng     |         |
| 14 | 14  | Nguyễn Việt Dũng       | Nam       | 31/12/1995 | Hải Phòng     |         |
| 15 | 15  | Nguyễn Đức Duy         | Nam       | 02/03/1997 | Hải Phòng     |         |
| 16 | 16  | Nguyễn Thị Hương Giang | Nữ        | 15/11/1981 | Hải Phòng     |         |
| 17 | 17  | Đỗ Thị Hà              | Nữ        | 05/10/1992 | Hải Phòng     |         |
| 18 | 18  | Nguyễn Thu Hà          | Nữ        | 08/08/1997 | Hải Phòng     |         |
| 19 | 19  | Nguyễn Thanh Hải       | Nữ        | 28/10/1986 | Hải Phòng     |         |
| 20 | 20  | Vũ Thu Hằng            | Nữ        | 09/10/1994 | Hải Phòng     |         |
| 21 | 21  | Nguyễn Đình Hạnh       | Nam       | 03/01/1978 | Hải Phòng     |         |
| 22 | 22  | Trần Minh Hoàng        | Nam       | 11/08/1991 | Hải Phòng     |         |
| 23 | 23  | Trần Hợp               | Nam       | 15/07/1973 | Hải Phòng     |         |

Danh sách gồm 23 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
HÀNG HẢI  
VIỆT NAM  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Phạm Tuấn Dương

Cấp độ thi: **Bậc 4/6**

Ngày thi: **21/11/2021**

Địa điểm:

Bản niêm yết

| TT | SBD | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Ghi chú |
|----|-----|------------------|--------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1  | 24  | Lê Việt          | Hùng   | Nam       | 12/08/1982 | Hải Phòng   |         |
| 2  | 25  | Nguyễn Mạnh      | Hùng   | Nam       | 21/09/1996 | Hải Phòng   |         |
| 3  | 26  | Vũ Mạnh          | Hùng   | Nam       | 29/01/1993 | Hải Phòng   |         |
| 4  | 27  | Bùi Lê           | Hương  | Nữ        | 19/02/1986 | Hải Phòng   |         |
| 5  | 28  | Lê Thị           | Hương  | Nữ        | 03/03/1984 | Hải Phòng   |         |
| 6  | 29  | Phạm Gia         | Huy    | Nam       | 02/11/1986 | Hải Phòng   |         |
| 7  | 30  | Trần Ngọc        | Huy    | Nam       | 10/12/1988 | Hải Phòng   |         |
| 8  | 31  | Nguyễn Thị Thanh | Huyền  | Nữ        | 03/10/1979 | Hải Dương   |         |
| 9  | 32  | Vũ Thị           | Huyền  | Nữ        | 15/11/1991 | Nam Định    |         |
| 10 | 33  | Kang Hyun        | Jin    | Nam       | 20/03/1980 | Hàn Quốc    |         |
| 11 | 34  | Đàm Thị Kim      | Khánh  | Nữ        | 21/08/1987 | Hải Phòng   |         |
| 12 | 35  | Bùi Thùy         | Linh   | Nữ        | 30/11/1996 | Hải Phòng   |         |
| 13 | 36  | Phan Thế         | Linh   | Nam       | 17/06/1979 | Quảng Bình  |         |
| 14 | 37  | Hà Thị           | Lúa    | Nữ        | 30/01/1982 | Hải Phòng   |         |
| 15 | 38  | Nguyễn Anh       | Minh   | Nam       | 24/01/1990 | Thái Nguyên |         |
| 16 | 39  | Đỗ Văn           | Phong  | Nam       | 16/03/1982 | Hải Phòng   |         |
| 17 | 40  | Tạ Thị Mai       | Phương | Nữ        | 05/06/1994 | Hải Phòng   |         |
| 18 | 41  | Lưu Quốc         | Quân   | Nam       | 02/09/1985 | Hải Dương   |         |
| 19 | 42  | Nguyễn Trung     | Quân   | Nam       | 01/08/1991 | Hải Phòng   |         |
| 20 | 43  | Phạm Xuân        | Quyền  | Nam       | 08/05/1993 | Hải Phòng   |         |
| 21 | 44  | Nguyễn Trọng     | Sơn    | Nam       | 15/03/1985 | Hải Phòng   |         |
| 22 | 45  | Lương Văn        | Tâm    | Nam       | 01/10/1995 | Hà Nam      |         |
| 23 | 46  | Nguyễn Khắc      | Tạo    | Nam       | 19/08/1992 | Vũng Tàu    |         |

Danh sách gồm 23 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
HÀNG HAI  
VIỆT NAM  
HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Phạm Xuân Dương

PHÒNG THI SỐ: 03

(Theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Cấp độ thi: **Bậc 4/6**

Ngày thi: **21/11/2021**

Địa điểm:

Bản niêm yết

| TT | SBD | Họ và tên           | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Ghi chú |
|----|-----|---------------------|-----------|------------|-----------|---------|
| 1  | 47  | Lương Hữu Thái      | Nam       | 15/04/1988 | Thanh Hóa |         |
| 2  | 48  | Đoàn Thắng          | Nam       | 08/09/1982 | Hải Phòng |         |
| 3  | 49  | Phạm Văn Thắng      | Nam       | 10/08/1987 | Hải Phòng |         |
| 4  | 50  | Phạm Hữu Thành      | Nam       | 18/11/1979 | Hải Phòng |         |
| 5  | 51  | Phùng Duy Thành     | Nam       | 01/11/1980 | Hải Phòng |         |
| 6  | 52  | Ngô Văn Thạo        | Nam       | 12/12/1977 | Hà Nam    |         |
| 7  | 53  | Bùi Kim Thu         | Nữ        | 10/09/1979 | Hà Nội    |         |
| 8  | 54  | Nguyễn Thị Thùy     | Nữ        | 05/11/1987 | Hải Phòng |         |
| 9  | 55  | Trương Thị Thùy     | Nữ        | 22/09/1986 | Hải Phòng |         |
| 10 | 56  | Lê Minh Tiến        | Nam       | 09/10/1993 | Thái Bình |         |
| 11 | 57  | Phạm Hồng Tiến      | Nam       | 25/09/1972 | Thái Bình |         |
| 12 | 58  | Vũ Đức Toàn         | Nam       | 12/08/1997 | Thái Bình |         |
| 13 | 59  | Bùi Thị Thanh Trà   | Nữ        | 08/03/1983 | Hải Phòng |         |
| 14 | 60  | Bùi Thị Thu Trang   | Nữ        | 30/09/1997 | Hải Phòng |         |
| 15 | 61  | Lê Như Trang        | Nữ        | 23/10/1987 | Hải Phòng |         |
| 16 | 62  | Vũ Quang Triệu      | Nam       | 03/11/1977 | Hải Phòng |         |
| 17 | 63  | Trần Văn Trọng      | Nam       | 22/03/1992 | Hải Phòng |         |
| 18 | 64  | Nguyễn Trọng Trường | Nam       | 10/03/1987 | Hải Phòng |         |
| 19 | 65  | Nguyễn Mạnh Tuấn    | Nam       | 18/07/1979 | Hải Phòng |         |
| 20 | 66  | Phan Trọng Tuệ      | Nam       | 12/08/1985 | Hà Tĩnh   |         |
| 21 | 67  | Trần Duy Tùng       | Nam       | 31/05/1993 | Hải Phòng |         |
| 22 | 68  | Nguyễn Mạnh Tường   | Nam       | 28/06/1992 | Nam Định  |         |
| 23 | 69  | Phan Anh Văn        | Nam       | 19/08/1981 | Vĩnh Phúc |         |
| 24 | 70  | Đào Trọng Vinh      | Nam       | 08/10/1987 | Hải Phòng |         |

Danh sách gồm 24 thí sinh./.



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Phạm Xuân Dương